

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔ CHỨC SỰ KIỆN VÀ QUẢNG CÁO LÂM VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔ CHỨC SỰ KIỆN VÀ QUẢNG CÁO LÂM VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400817583

**3. Ngày thành lập:** 30/06/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Tân Thiếp, Xã Xương Lâm, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0971 048 666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp ( trừ hóa chất nhà nước cấm ); Hóa chất công nghiệp ( mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp methanol, paraffin, tinh dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp axit lưu huỳnh ) | 4669        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632        |
| 3.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3600        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất, trang trí, sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm, nước hoa, hàng mỹ phẩm ( trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người )                                                                                  | 4649        |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652        |
| 6.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: Cung cấp phần mềm; Xử lý dữ liệu và cho thuê hosting.                                                                                                                                                                                                                       | 6311        |
| 7.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4620        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                             | 6209        |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8230(Chính) |
| 10. | Giáo dục khác chưa được phân vào đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8559        |
| 11. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3320        |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933        |
| 13. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2819        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7810 |
| 15. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7830 |
| 16. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7911 |
| 17. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4633 |
| 18. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651 |
| 19. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ thông tin qua điện thoại ( không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm )                                                                                                                                                                                                                                             | 6329 |
| 20. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1812 |
| 21. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7320 |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7710 |
| 23. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4764 |
| 24. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4100 |
| 25. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng hóa bằng thư đặt hàng, hàng hóa qua internet, trực tiếp qua Tivi, đài, điện thoại, qua internet                                                                                                                                                                                                                     | 4791 |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng văn phòng ;( trừ máy vi tính thiết bị ngoại vi ); Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện ); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy lọc nước | 4659 |
| 27. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5610 |
| 28. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6202 |
| 29. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9000 |
| 30. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8532 |
| 31. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh, dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5510 |
| 32. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7912 |
| 33. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7920 |
| 34. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6201 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI THỊ MỪNG | Thôn Cánh, Xã Mỹ Hà, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 12.000     | 1.200.000.000         | 40,000    | 121422910                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 12.000     | 1.200.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGÔ VĂN ĐỨC  | Thôn Tân Thiếp, Xã Xương Lâm, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 6.000      | 600.000.000           | 20,000    | 121981746                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 6.000      | 600.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGÔ VĂN LÂM  | Thôn Tân Thiếp, Xã Xương Lâm, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 12.000     | 1.200.000.000         | 40,000    | 121435319                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 12.000     | 1.200.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ VĂN ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121981746

Ngày cấp: 29/04/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân Thiếp, Xã Xương Lâm, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tân Thiếp, Xã Xương Lâm, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang

Thời gian đăng từ ngày 30/06/2017 đến ngày 30/07/2017

